

Số: **3257**/2016/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **22** tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý
rác thải sinh hoạt tại khu vực đô thị trên địa bàn thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 02 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 124/TTr-SXD ngày 22/12/2016; Báo cáo thẩm định số 102A/BCTĐ-STP ngày 21/12/2016 của Sở Tư pháp; Báo cáo thẩm định số 144/STC-GCS ngày 13/12/2016 của Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mức giá dịch vụ

Quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại khu vực đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng như sau:

| TT | Danh mục khách hàng | Đơn vị tính | Mức thu (bao gồm VAT) |
|-----------|---|--------------------|------------------------------|
| I | Hộ dân không sản xuất, kinh doanh | | |
| 1 | Hộ gia đình (hộ mặt đường, hộ trong ngõ, hộ tập thể cao tầng) | đ/hộ/tháng | 40.000 |

| | | | |
|--|--|-----------------------|---------|
| 2 | Hộ cá nhân, phòng trọ | đ/hộ (phòng)/tháng | 20.000 |
| II. Hộ sản xuất kinh doanh nhỏ (tại nhà) | | | |
| 1 | Ăn uống | đ/hộ/tháng | 135.000 |
| 2 | Vật liệu xây dựng, sửa chữa ô tô, xe máy, thực phẩm, điện máy, may mặc | đ/hộ/tháng | 135.000 |
| 3 | Tạp hóa, sửa ô tô, xe máy và các mặt hàng khác | đ/hộ/tháng | 90.000 |
| III. Các đơn vị HCSN, lực lượng vũ trang, trường học, nhà trẻ, văn phòng, chi nhánh đại diện; Các cửa hàng, khách sạn, nhà hàng kinh doanh ăn uống, các dịch vụ khác; Các đơn vị sản xuất KD (nhà máy, xí nghiệp, công ty, nhà ga, bến tàu, bến xe, chợ...), các bệnh viện, phòng khám tư | | | |
| 1 | Có khối lượng chất thải sinh hoạt, kinh doanh, dịch vụ (trừ rác thải xây dựng, rác thải nguy hại, rác thải y tế) < hoặc = 1m ³ /tháng | đ/đơn vị/tháng | 324.000 |
| 2 | Có khối lượng chất thải sinh hoạt, kinh doanh, dịch vụ (trừ rác thải xây dựng, rác thải nguy hại, rác thải y tế) > 1m ³ /tháng | đ/m ³ | 324.000 |

Điều 2. Đối tượng áp dụng mức giá

Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng và các đơn vị khác được giao nhiệm vụ cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt áp dụng mức giá tại Quyết định này làm căn cứ tính giá khi ký kết hợp đồng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng và các đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt thực hiện chế độ hạch toán kinh doanh và nộp thuế theo quy định của pháp luật, chủ động cân đối thu - chi phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

2. Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng và các đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt thực hiện quyết toán thu - chi kèm theo giải trình chi tiết, đề xuất kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố cấp bù kinh phí từ ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Khi có biến động về giá trên thực tế, Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng có trách nhiệm báo cáo các Sở: Xây dựng, Tài chính để xem xét, điều chỉnh giá cho phù hợp.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017; thay thế Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 16/12/2011 của Ủy ban nhân dân thành

phổ về việc thu phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hải Phòng và Quyết định số 1946/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh mức thu phí vệ sinh đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế thành phố; Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng; Thủ trưởng các cấp, các ngành, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 5;
- Sở Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử TP;
- Công báo TP; Báo Hải Phòng;
- Đài PT&TH Hải Phòng;
- CPVP;
- Các Phòng CV;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng